

Số: /BC-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(THỜI ĐIỂM CUỐI HK2 -NH 2025-2026)**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Đức Trí.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Số 1/555, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0363858687-02743678800

Địa chỉ thư điện tử: th_thcs_thptductri.binhduong@hcm.edu.vn;
info@ductrischool.edu.vn

Website: ductrischool.edu.vn – www.facebook.com/ductrischool

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Đức Trí là cơ sở giáo dục phổ thông thuộc loại hình tư thục, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định pháp luật;

Trường tổ chức hoạt động theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/03/2026;

Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo, giám sát kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo Công văn số: 869/UBND-VX ngày 3/4/2009 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chủ trương thành lập Trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Khuyến – huyện Thuận An (loại hình tư thục).

Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số: 46121000044 ngày 10 tháng 6 năm 2009.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

❖ SỨ MẠNG

- Đào tạo học sinh toàn diện về kiến thức, kỹ năng, nhân cách.
- Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp (đặc biệt bằng tiếng Anh), và khả năng hội nhập quốc tế.
- Chuẩn bị hành trang để học sinh tự tin trong môi trường toàn cầu, trở thành người hạnh phúc, trách nhiệm, và cống hiến cho xã hội.

❖ TÂM NHÌN

- Trở thành trường hàng đầu tại Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước về giáo dục toàn diện, hội nhập quốc tế.
- Xây dựng môi trường học tập hiện đại, thân thiện, phát huy tối đa tiềm năng học sinh.
- Đào tạo công dân tự tin, linh hoạt, ham học hỏi, biết yêu thương và đóng góp cho cộng đồng.

❖ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Đổi mới không ngừng:** Cải tiến phương pháp dạy học, hướng đến sự phát triển bền vững.
- **Yêu thương và hợp tác:** Xây dựng môi trường thân thiện, gắn kết giữa giáo viên, học sinh, phụ huynh.
- **Tận tâm và trách nhiệm:** Giáo viên tận tụy, học sinh nỗ lực để trở thành người có ích.
- **Hội nhập và phát triển toàn diện:** Trang bị kỹ năng, ngoại ngữ để học sinh tự tin trong thế giới biến động.

❖ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Giáo dục toàn diện, lấy người học làm trung tâm, hướng tới hội nhập quốc tế. Trường chú trọng phát triển hài hòa kiến thức, kỹ năng, nhân cách, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng, trong một môi trường học tập hiện đại, thân thiện, và giàu tính nhân văn. Mục tiêu là đào tạo ra những công dân toàn cầu tự tin, trách nhiệm, biết yêu thương và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- **Giai đoạn đầu:** Trường được thành lập vào năm 2010 với mục tiêu cung cấp một môi trường giáo dục chất lượng cao, chú trọng phát triển toàn diện cho học sinh.
- **Phát triển cơ sở vật chất:** Trường liên tục đầu tư vào cơ sở vật chất, xây dựng các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện và khu vui chơi hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt của học sinh.
- **Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên:** Trường chú trọng tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giỏi, tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm.
- **Đổi mới phương pháp giảng dạy:** Trường áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả.
- **Mở rộng chương trình học:** Trường cung cấp đa dạng các chương trình học, từ chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến các chương trình nâng cao, chương trình song ngữ, ứng dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao năng lực chuyên

môn, thúc đẩy sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy, đáp ứng nhu cầu và sở thích khác nhau của học sinh.

- Đạt được nhiều thành tích:

- + Học sinh tăng liên tục qua các năm học.
- + 100% học sinh Tiểu học hoàn thành chương trình cấp Tiểu học.
- + 100% học sinh THCS đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS.
- + 100% học sinh tốt nghiệp THPT.
- + Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Đức Trí có điểm trung bình tốt nghiệp THPT ba năm tăng liên tục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Lương Thị Bích Trâm
- Chức danh: Giám đốc
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 1/555, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh
- Thư điện tử: tramltb@vietanhschool.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Thành lập Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 04/01/2025 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi cơ quan quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (mới)

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 1056/QĐ- SGDDT ngày 11/8/2022 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí (nhiệm kỳ 2022-2027).

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ tên	Giới tính	Quốc tịch	Chức vụ Hội đồng trường
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	Việt Nam	Chủ tịch HĐT
2	Nguyễn Thị Soa	Nữ	Việt Nam	Thư ký
3	Lương Thị Bích Trâm	Nữ	Việt Nam	Ủy viên
4	Nguyễn Minh Trí	Nam	Việt Nam	Ủy viên
5	Nguyễn Văn Cường	Nam	Việt Nam	Ủy viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 1692/QĐ-SGDĐT ngày 24/10/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

Nhiệm vụ: Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

- Quyết định số 1691/QĐ-SGDĐT ngày 24/10/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

Nhiệm vụ: Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

- Quyết định số 1710/QĐ-SGDĐT ngày 28/10/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí.

Nhiệm vụ: Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đức Trí có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quyết định số: 2674/QĐ-SGDĐT ngày 15/10/2013 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc tiếp tục cho phép Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Đức Trí hoạt động giáo dục.

Cơ chế hoạt động của trường

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị

+ 01 Hội đồng trường với 4 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Công đoàn có 33 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 450 đoàn viên, thanh niên khối THPT với 14 chi đoàn thuộc Đoàn trường.
- + Ban đại diện CMHS có 61 thành viên
- + Có 11 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Quyết định số: 2487/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi cơ quan quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (mới)

e) Họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Văn Cường	Hiệu trưởng	0942802509	cuongnv@ductriscchool.edu.vn
2	Nguyễn Phương Dung	Phó Hiệu trưởng	0989050915	dungnp@ductriscchool.edu.vn
3	Vũ Thị Mai	Phó Hiệu trưởng	0975055910	maivt@ductriscchool.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

CHỨC DANH	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo						
			Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Th. sỹ	T. sỹ
* CBQL									
- Hiệu trưởng	1						1		
- Phó Hiệu trưởng	2	2						2	
Cộng CQBL	3	2	0	0	0	0	1	2	0
* Cấp Tiểu học									
- GV tiểu học	35	35			3		32		
- Nhạc	1	1					1		
- GV Họa	1	1					1		
- GV Tiếng Anh	8	8					8		
- GV Thể dục	3	1					3		
- GV Tin học	1	1					1		
Cộng GV DL Tiểu học	49	47	0	0	3	0	46	0	0
* Cấp THCS									
- GV Toán	5	2					5		
- GV Lý	1	1					1		
- GV Hóa	1	1					1		
- GV Sinh	1	1					1		
- GV KTCN	0								
- GV KTNN	0								
- GV KTPV	0								
- GV Văn	4	3					4		
- GV Sử	1						1		
- GV Địa	2	2					2		
- GV GD CD	1						1		
- GV Tiếng Anh	6	6					6		
- GV Tin học	0								
- GV Thể dục	1						1		
- GV Nhạc	0						0		
- GV Họa	0						0		

Cộng GV cấp THCS	23	16	0	0	0	0	23		
* Cấp THPT									
- GV Toán	5	2					3	2	
- GV Lý	3	2					3		
- GV Hóa	2	2					2		
- GV Sinh	2	1					1	1	
- GV KTCN	0								
- GV KTNN	0								
- GV Văn	5	5					3	2	
- GV Sử	1	1					1		
- GV Địa	2	2					1	1	
- GV GD&CD	1	1					1		
- GV Tiếng Anh	7	7					7		
- GV Tin học	1	0					1		
- GV Thể dục	2						2		
- GV GDQP	0								
Cộng GV cấp THPT	31	23	0	0	0	0	25	6	
TỔNG	106	88	0	0	3	0	95	8	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

	Tổng số	Đạt chuẩn trở lên		Chưa đạt chuẩn		Trên chuẩn		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	
CBQL	3	3	100%			2	66,67%	
Giáo viên	103	97	94,2%			6	6,2%	
Hành chính văn phòng	22	22	100%					

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	7397,52 m ²	7397,52 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m2)	7725.7	
3	Tỉ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số bản sách/người học	1883/1883	

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
	Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí	Số 1/555, Khu phố Hòa Lân 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh	7397,52 m ²	

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng số phòng MVT: 03
- Tổng số MVT phục vụ học tập: 61
- Tổng số MVT phục vụ dạy học, văn phòng: 21
- Tổng số phòng học: 61
- Phòng Hội trường: 01
- Tổng số phòng Giáo viên: 01
- Tổng số phòng Hành chính: 6
- Tổng số phòng Hiệu trưởng: 01
- Tổng số phòng Hiệu phó: 01
- Tổng số phòng họp: 04
- Thư viện: 01
- Phòng đọc: 01
- Phòng học bộ môn: 03
- Tổng số hồ bơi: 01
- Tổng số sân cầu lông: 04

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng đường truyền Internet: 3
- Camera: 220
- Tổng số máy chiếu: 01
- Tổng số máy in lớn: 02; máy in nhỏ: 07

- Tổng số máy in màu: 02
- Tổng số TV phục vụ học tập: 80
- TV trình chiếu: 03
- Số lượng đàn Organ: 03
- Số lượng đàn Piano: 01

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường căn cứ theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 07/05/2021 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 và điều chỉnh, bổ sung Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 và lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1032/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa Giáo dục quốc phòng và an ninh lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Nhà trường đang tiến hành thực hiện hồ sơ đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo hướng dẫn.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

* Cấp Tiểu học

Khối	Đầu năm học		Cuối HK2		Bỏ học			Chuyên trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
1	5	164	5	165	0			1		
2	5	171	5	172	0			1		
3	7	179	7	177	0				2	
4	5	160	5	161	0			1		
5	6	184	6	183	0			1	1	
Tổng	28	858	28	858	0			3	3	

*** Cấp THCS**

Khối	Đầu năm học		Cuối HK2		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
6	5	143	5	144	1	0.69	HS học yếu, chán học.		1	
7	5	150	5	153	0				3	
8	5	151	5	150	0			1		1
9	4	130	4	128	0					2
Tổng	19	574	19	575					4	3

*** Cấp THPT**

Khối	Đầu năm học		Cuối HK2		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
10	3	105	3	105	0					
11	5	157	5	157	0					
12	6	188	6	188	0					
Tổng	14	450	14	450	0					

2) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.*** Cấp Tiểu học**

Đánh giá KQHT			- Hoàn thành xuất sắc	- Hoàn thành tốt	- Hoàn thành	- Chưa hoàn thành	
Tổng số học sinh			858	198	198	446	16
Lớp 1	Tổng số		165	43	42	75	5
	Trong tổng số	Nữ	85	24	23	36	2
		Dân tộc	22	4	2	15	1
		Nữ dân tộc	10	3	1	5	1
		Lớp ghép	0	0	0	0	0
	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
Lớp 2	Tổng số		172	58	25	85	4
	Trong tổng số	Nữ	83	31	9	40	3
		Dân tộc	13	4	2	7	0
		Nữ dân tộc	5	4	0	1	0
		Lớp ghép	0	0	0	0	0
	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
Lớp 3	Tổng số		177	56	20	101	0
	Trong tổng số	Nữ	94	35	14	45	0
		Dân tộc	23	5	3	15	0
		Nữ dân tộc	12	3	3	6	0
		Lớp ghép	0	0	0	0	0
	Khuyết tật	0	0	0	0	0	

Lớp 4	Trong tổng số	Tổng số	161	23	54	77	7
		Nữ	83	12	34	34	3
		Dân tộc	20	0	7	12	1
		Nữ dân tộc	7	0	4	2	1
		Lớp ghép	0	0	0	0	0
Lớp 5	Trong tổng số	Tổng số	183	18	57	108	0
		Nữ	90	8	33	49	0
		Dân tộc	19	1	2	16	0
		Nữ dân tộc	10	0	1	9	0
		Lớp ghép	0	0	0	0	0
		Khuyết tật	0	0	0	0	0

* Cấp THCS

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Năm học 2025 - 2026

STT	Lớp	Số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		573	212	37.00%	216	37.70%	140	24.43%	5	0.87%	563	98.25%	10	1.75%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 6		144	58	40.28%	57	39.58%	28	19.44%	1	0.69%	143	99.31%	1	0.69%	0	0.00%	0	0.00%
1	6A1	24	6	25.00%	11	45.83%	7	29.17%	0	0.00%	24	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
2	6A2	31	12	38.71%	14	45.16%	5	16.13%	0	0.00%	31	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
3	6A3	32	14	43.75%	14	43.75%	4	12.50%	0	0.00%	32	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
4	6A4	30	12	40.00%	8	26.67%	10	33.33%	0	0.00%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
5	6A5	27	14	51.85%	10	37.04%	2	7.41%	1	3.70%	26	96.30%	1	3.70%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 7		152	58	38.16%	61	40.13%	31	20.39%	2	1.32%	149	98.03%	3	1.97%	0	0.00%	0	0.00%
6	7B1	34	12	35.29%	17	50.00%	5	14.71%	0	0.00%	34	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
7	7B2	34	15	44.12%	14	41.18%	5	14.71%	0	0.00%	34	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
8	7B3	29	12	41.38%	15	51.72%	2	6.90%	0	0.00%	29	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
9	7B4	24	11	45.83%	4	16.67%	7	29.17%	2	8.33%	23	95.83%	1	4.17%	0	0.00%	0	0.00%
10	7B5	31	8	25.81%	11	35.48%	12	38.71%	0	0.00%	29	93.55%	2	6.45%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 8		149	45	30.20%	51	34.23%	51	34.23%	2	1.34%	146	97.99%	3	2.01%	0	0.00%	0	0.00%
11	8C1	27	8	29.63%	9	33.33%	10	37.04%	0	0.00%	27	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12	8C2	32	9	28.13%	14	43.75%	8	25.00%	1	3.13%	29	90.63%	3	9.38%	0	0.00%	0	0.00%
13	8C3	29	11	37.93%	9	31.03%	9	31.03%	0	0.00%	29	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%

14	8C4	32	6	18.75%	9	28.13%	16	50.00%	1	3.13%	32	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
15	8C5	29	11	37.93%	10	34.48%	8	27.59%	0	0.00%	29	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 9		128	51	39.84%	47	36.72%	30	23.44%	0	0.00%	125	97.66%	3	2.34%	0	0.00%	0	0.00%
16	9D1	32	12	37.50%	10	31.25%	10	31.25%	0	0.00%	32	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
17	9D2	31	12	38.71%	13	41.94%	6	19.35%	0	0.00%	30	96.77%	1	3.23%	0	0.00%	0	0.00%
18	9D3	34	14	41.18%	14	41.18%	6	17.65%	0	0.00%	32	94.12%	2	5.88%	0	0.00%	0	0.00%
19	9D4	31	13	41.94%	10	32.26%	8	25.81%	0	0.00%	31	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%

*** Cấp THPT**

BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Năm học 2025 - 2026

STT	Lớp	Sĩ số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	S L	TL
TỔNG CỘNG		450	122	27.11%	278	61.78%	50	11.11%	0	0.00%	444	98.67%	5	1.11%	1	0.22%	0	0.00%
Khối 10		105	25	23.81%	57	54.29%	23	21.90%	0	0.00%	105	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
1	10A1	35	10	28.57%	20	57.14%	5	14.29%	0	0.00%	35	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
2	10A2	35	7	20.00%	20	57.14%	8	22.86%	0	0.00%	35	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
3	10A3	35	8	22.86%	17	48.57%	10	28.57%	0	0.00%	35	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 11		157	45	28.66%	95	60.51%	17	10.83%	0	0.00%	151	96.18%	5	3.18%	1	0.64%	0	0.00%
4	11B1	35	18	51.43%	17	48.57%	0	0.00%	0	0.00%	30	85.71%	4	11.43%	1	2.86%	0	0.00%
5	11B2	32	5	15.63%	21	65.63%	6	18.75%	0	0.00%	31	96.88%	1	3.13%	0	0.00%	0	0.00%
6	11B3	32	7	21.88%	19	59.38%	6	18.75%	0	0.00%	32	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
7	11B4	25	9	36.00%	14	56.00%	2	8.00%	0	0.00%	25	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
8	11B5	33	6	18.18%	24	72.73%	3	9.09%	0	0.00%	33	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 12		188	52	27.66%	126	67.02%	10	5.32%	0	0.00%	188	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
9	12C1	28	12	42.86%	16	57.14%	0	0.00%	0	0.00%	28	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10	12C2	26	11	42.31%	14	53.85%	1	3.85%	0	0.00%	26	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11	12C3	31	10	32.26%	20	64.52%	1	3.23%	0	0.00%	31	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12	12C4	35	7	20.00%	25	71.43%	3	8.57%	0	0.00%	35	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
13	12C5	34	6	17.65%	27	79.41%	1	2.94%	0	0.00%	34	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
14	12C6	34	6	17.65%	24	70.59%	4	11.76%	0	0.00%	34	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%

IV. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau: Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí là trường tư thục, doanh thu chính từ nguồn thu học phí.

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- Tổng thu học phí năm 2025: 82.602.241.000 đồng.

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Tổng chi lương năm 2025: 18.513.398.000 đồng.

- Chi mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất 2025: 2.607.052.591 đồng.

CÔNG KHAI THU-CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU NĂM 2025 (ĐẾN NGÀY 31/12/2025)

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ-cuối năm trước chuyển sang tại KBNN		
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)		
III	Tổng số chi		
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho HS	8.845.000	Đầu năm
2	Chi tiền mua thuốc y tế cho HS	12.000.000	Đầu HK2
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho HS đầu năm học 2025-2026	3.656.000	
IV	Tồn cuối kỳ-thời điểm.../.../202... KBNN		

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

*** Biểu phí năm học 2024 – 2025**

STT	LỚP	HỌC PHÍ	PHÍ BÁN TRÚ	TIỀN ĂN	1 THÁNG
1	LỚP 1	2,200,000	600,000	950,000	3,750,000
2	LỚP 2	2,200,000	600,000	950,000	3,750,000
3	LỚP 3	2,200,000	600,000	1,000,000	3,800,000
4	LỚP 4	2,360,000	600,000	1,000,000	3,960,000
5	LỚP 5	2,520,000	600,000	1,000,000	4,120,000
6	LỚP 6	2,730,000	600,000	1,050,000	4,380,000
7	LỚP 7	2,830,000	600,000	1,050,000	4,480,000

8	LỚP 8	2,990,000	600,000	1,050,000	4,640,000
9	LỚP 9	3,150,000	600,000	1,100,000	4,850,000
10	LỚP 10	3,520,000	600,000	1,100,000	5,220,000
11	LỚP 11	3,830,000	600,000	1,100,000	5,530,000
12	LỚP 12	4,410,000	600,000	1,100,000	6,110,000

*** Biểu phí năm học 2025 – 2026**

STT	LỚP	HỌC PHÍ	PHÍ BÁN TRÚ	TIỀN ĂN	TỔNG CỘNG 1 THÁNG
1	LỚP 1	2,350,000	600,000	950,000	3,900,000
2	LỚP 2	2,350,000	600,000	950,000	3,900,000
3	LỚP 3	2,350,000	600,000	1,000,000	3,950,000
4	LỚP 4	2,520,000	600,000	1,000,000	4,120,000
5	LỚP 5	2,700,000	600,000	1,000,000	4,300,000
6	LỚP 6	2,870,000	600,000	1,050,000	4,520,000
7	LỚP 7	2,970,000	600,000	1,050,000	4,620,000
8	LỚP 8	3,140,000	600,000	1,050,000	4,790,000
9	LỚP 9	3,300,000	600,000	1,100,000	5,000,000
10	LỚP 10	3,700,000	600,000	1,100,000	5,400,000
11	LỚP 11	4,020,000	600,000	1,100,000	5,720,000
12	LỚP 12	4,630,000	600,000	1,100,000	6,330,000

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Con giáo viên theo học tại trường sẽ được miễn giảm từ 40% đến 100% tùy theo cấp học và đạt được thành tích trong các kỳ thi cấp thành phố và cấp tỉnh.

Đối với con em thuộc gia đình khó khăn thì nhà trường cũng có chính sách miễn giảm theo từng trường hợp cụ thể.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

- Năm 2025 đã đóng thuế TNDN: 1.039.037.184 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025-2026

1. Công tác chỉ đạo triển khai chương trình giáo dục phổ thông

1.1. Những mặt làm được

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đồng bộ: Nhà trường đã chủ động xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường dựa trên các căn cứ pháp lý của Bộ và Sở GDĐT, đặc biệt là Công văn 1557/SGDĐT-GDTrH. Kế hoạch đảm bảo đầy đủ nội dung, thời lượng các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc và chuyên đề học tập.

- Chỉ đạo sâu sát từ cấp Tổ chuyên môn: Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết, thảo luận thống nhất chương trình, phân phối số tiết dạy và biên soạn các chủ đề tích hợp, STEM, liên môn. Kế hoạch giảng dạy của giáo viên và kế hoạch bài dạy (giáo án) được chuẩn bị kỹ lưỡng, được lãnh đạo nhà trường phê duyệt trước khi thực hiện.

- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn: Thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn ít nhất 2 lần/tháng với trọng tâm là nghiên cứu bài học, giải quyết các vấn đề khó về kiến thức và phương pháp dạy học, hạn chế tính hành chính.

- Hệ thống hồ sơ và lưu trữ: Công tác quản lý hồ sơ sổ sách được thực hiện theo hướng tinh gọn, giảm áp lực hành chính. Nhà trường ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong việc lưu trữ hồ sơ chuyên môn (bản điện tử qua OneDrive, học bạ số, sổ theo dõi đánh giá điện tử) giúp việc quản lý và chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

1.2. Thuận lợi

- Sự chỉ đạo và đồng thuận: Nhà trường nhận được sự quan tâm, hướng dẫn sâu sát từ Sở GDĐT TP.HCM và sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương, Hội đồng quản trị cùng sự đồng thuận của phụ huynh học sinh.

- Đội ngũ nhân sự: Tập thể sư phạm đoàn kết, thống nhất. Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết và có trình độ đạt chuẩn hoặc trên chuẩn (96/108 giáo viên trình độ Đại học, 7/108 trình độ trên Đại học).

- Hạ tầng công nghệ: Nhà trường đã triển khai triệt để chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, xây dựng được kho học liệu điện tử dùng chung toàn trường.

1.3. Khó khăn

- Cơ sở vật chất: Diện tích và không gian sử dụng còn hạn chế so với nhu cầu đa dạng của học sinh;

- Kinh nghiệm đội ngũ: Tỷ lệ giáo viên trẻ khá cao, dù năng động và giỏi công nghệ nhưng còn hạn chế về kinh nghiệm sư phạm và kỹ năng xử lý các tình huống giáo dục cá nhân hóa.

- Hệ thống dữ liệu: Một số ứng dụng công nghệ thông tin chưa được kết nối đồng bộ dữ liệu hoàn toàn, gây khó khăn nhất định trong khai thác thông tin quản lý.

1.4. Giải pháp

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn: Chú trọng công tác kèm cặp, chia sẻ kinh nghiệm từ giáo viên thâm niên cho giáo viên trẻ. Tổ chức các đợt tập huấn về phương pháp thiết kế bài giảng STEM và ứng dụng AI trong giảng dạy.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số: Tiếp tục chuẩn hóa quy trình, đầu tư hệ thống phần mềm quản lý đồng bộ và phát triển kho học liệu số của ngành và trường để tiết kiệm nguồn lực.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá: Triển khai đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, công khai tiêu chí đánh giá và tăng cường kiểm tra nội bộ để đảm bảo kỷ cương chuyên môn.

- Phát huy dân chủ: Duy trì đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo trường với giáo viên và học sinh để kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp thực tế.

1.5. Kiến nghị: KHÔNG

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Thực hiện đúng, đủ nội dung và thời lượng chương trình của các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, chuyên đề học tập.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

3.1. Đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục

- Đổi mới phương thức: Hiệu trưởng chỉ đạo chuyên mạnh từ truyền thụ kiến thức sang hình thành phẩm chất và năng lực người học. Nhà trường tăng cường các phương pháp dạy học tích cực, dạy học qua dự án, học qua trải nghiệm và nghiên cứu bài học.

- Dạy học trực tuyến: Thực hiện hiệu quả dạy học trực tiếp kết hợp giao nhiệm vụ trên Internet qua hệ thống Microsoft Teams và Azota để phát huy tính tự học của học sinh.

- Hoạt động ngoài nhà trường: Tận dụng lợi thế địa lý để tổ chức các tiết học trải nghiệm, giáo dục địa phương tại di tích lịch sử như Địa đạo Củ Chi, di tích Hồ Lang, Bảo tàng Bình Dương và làng nghề gốm sứ Minh Long.

3.2. Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá theo 10 năng lực

- Đánh giá năng lực: Nhà trường triển khai đánh giá dựa trên 10 năng lực cốt lõi quy định trong chương trình hiện hành, đảm bảo tính chính xác và khách quan.

- Cấu trúc đề: ra đề theo 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng nâng cao.

- Minh bạch tiêu chí: Tiêu chí đánh giá và biểu điểm được công khai trước cho học sinh; kết quả được cập nhật kịp thời trên sổ điểm điện tử.

3.3. Đánh giá kết quả rèn luyện theo phẩm chất người học

- Phát triển phẩm chất: Tập trung giáo dục và đánh giá học sinh dựa trên 5 phẩm chất cốt lõi: Yêu nước, Nhân ái, Chăm chỉ, Trung thực, Trách nhiệm.

- Lồng ghép giáo dục: Việc rèn luyện phẩm chất được thực hiện xuyên suốt trong tất cả các môn học và qua các hoạt động tập thể, xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh.

3.4. Các môn học đánh giá quá trình và phiếu mô tả nhiệm vụ

- Môn học áp dụng: Nhà trường thực hiện đánh giá kết quả học tập qua quá trình cho các môn Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và các môn năng khiếu (Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC).

- Hình thức đánh giá: Sử dụng hồ sơ học tập, sản phẩm dự án và các báo cáo/phiếu mô tả của người học về quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.5. Hoạt động sáng tạo, STEM và định hướng nghề nghiệp

- Giáo dục STEM: Triển khai theo Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH; huy động đội ngũ giáo viên thiết kế bài giảng STEM và tổ chức hội thi tên lửa nước, đua xe thể năng.
- Hướng nghiệp: Tổ chức hướng nghiệp chuyên sâu cho học sinh từ THCS đến THPT, phối hợp với doanh nghiệp và trường đại học để học sinh tham quan thực tế.

3.6. Chuẩn bị cho công tác khảo sát chất lượng học sinh lớp 7, 9, 11

Nhà trường đã tham gia nghiêm túc, hoàn thành đầy đủ các đợt khảo sát theo kế hoạch của Sở GD&ĐT TP.HCM với kết quả khả quan, tổng lượng đạt khá, giỏi (trên 60%)

- Lớp 7: 100% học sinh khảo sát năng lực vận dụng kiến thức thực tiễn trên máy tính
- Lớp 9 và 11: Khảo sát năng lực Tiếng Anh trực tuyến theo chuẩn LanguageCert và khảo sát toàn diện các môn Toán, Ngữ văn
- Chỉ đạo: Tổ chuyên môn nghiên cứu ma trận đề khảo sát để lồng ghép vào giảng dạy và ra đề kiểm tra định kỳ

3.7. Xây dựng môi trường sử dụng Tiếng Anh

- Tiếng Anh tăng cường: Thực hiện mục tiêu đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai. Bố trí giáo viên nước ngoài dạy các tiết tăng cường, sử dụng 100% Tiếng Anh trong lớp để tạo phản xạ.
- Môi trường giao tiếp: Tổ chức câu lạc bộ Tiếng Anh, thi hùng biện và các hoạt động ngoại khóa sử dụng Tiếng Anh.

3.8. Môi trường giáo dục an toàn, dân chủ và chất lượng

- Trường học hạnh phúc: Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, nơi mọi thành viên được yêu thương và tôn trọng.
- An toàn & Dân chủ: Thực hiện nghiêm quy trình phòng chống bạo lực học đường và duy trì đối thoại định kỳ (2 lần/năm) giữa lãnh đạo trường với giáo viên và học sinh.

3.9. Tăng cường hoạt động tập thể và ngoài giờ lên lớp

- Duy trì nề nếp tập thể dục giữa giờ, phổ cập bơi, giải thi đấu TDTT và sinh hoạt các câu lạc bộ năng khiếu trên tinh thần tự nguyện.
- Tổ chức các chương trình giáo dục chính trị tư tưởng, an toàn giao thông và phổ biến pháp luật thông qua sinh hoạt tập thể.

3.10. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

- Triển khai hiệu quả phong trào “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” của ngành và Thành phố.
- Thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với việc xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại đơn vị.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Hoạt động hướng nghiệp được triển khai xuyên suốt từ cấp THCS đến THPT, thông qua nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động các câu lạc bộ, cũng như các buổi hướng nghiệp tập trung do nhà trường phối hợp cùng chuyên gia, doanh nghiệp,

các trường đại học tổ chức. Học sinh được tham quan, tìm hiểu chuyên sâu từng ngành nghề tại trường đại học, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, giúp các em có cái nhìn thực tế về thị trường lao động.

Ở cấp THCS, nhà trường chú trọng hình thành nhận thức ban đầu về nghề nghiệp, giúp học sinh trải nghiệm những nghề phổ thông gần gũi trong đời sống, từ đó định hình sở thích và năng lực bản thân. Đặc biệt, với học sinh lớp 9, công tác hướng nghiệp được quan tâm hơn, giúp các em có định hướng rõ ràng trong lựa chọn tiếp tục học THPT, học nghề hoặc các chương trình đào tạo khác phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội.

Ở cấp THPT, phát huy vai trò giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn trong việc định hướng nghề nghiệp: theo sát hoàn cảnh gia đình, năng lực học tập, sở trường của từng học sinh để có kế hoạch tư vấn, định hướng phân luồng phù hợp. Công tác tư vấn hướng nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục từ lớp 10 đến hết năm học lớp 12, kết hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh.

Thông qua các hoạt động hướng nghiệp và phân luồng, nhà trường giúp học sinh có định hướng rõ ràng sau khi rời ghế phổ thông: tiếp tục học tập tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; hoặc lựa chọn con đường học nghề, lao động phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Chủ động bồi dưỡng, tạo môi trường để giáo viên, học sinh tham gia các hội thi do ngành giáo dục tổ chức

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Chủ động quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tăng cường nền nếp, kỷ luật, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường; tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong mọi hoạt động giáo dục; đổi mới phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới phương thức đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện có hiệu quả việc dạy học trực tiếp kết hợp giao nhiệm vụ, hướng dẫn học trên internet; tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu bài học, dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn; tiếp tục thực hiện có chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp và công tác bồi dưỡng học sinh giỏi để thi chọn đội tuyển thành phố; thực hiện tốt các chương trình nhà trường như Tin học theo chuẩn quốc tế, ngoại ngữ thứ 2, giáo dục STEM, dạy IELTS... để góp phần xây dựng hình ảnh công dân toàn cầu cho học sinh.

Thực hiện công tác hướng nghiệp theo hướng chuyên sâu từng ngành nghề cụ thể; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của một đơn vị cụ thể; phát huy thế mạnh của các câu lạc bộ, chú trọng giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, năng lực số, năng lực AI, phát triển năng khiếu cá nhân, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, đáp ứng nhu cầu, sở thích nguyện vọng của học sinh và góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, công tác quản trị, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, của tổ chuyên môn và của các đoàn thể gắn với công tác cải cách hành chính, công khai mọi hoạt động giáo dục, phát huy dân chủ thực chất trong nhà trường, xây dựng tốt văn hóa học đường và trường học hạnh phúc để đạt được 80% các tiêu chí của trường học tiên tiến; tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động chuyên môn.

Về phương châm giáo dục: triển khai thực hiện chương trình giáo dục theo phương châm kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

Về nội dung giáo dục: thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn; nói cách khác, giáo dục không phải để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp học sinh hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học. Dạy học để phát huy tính tích cực, tự học của người học; dạy học để người học được hạnh phúc.

Triển khai các giải pháp góp phần thực hiện tốt mục tiêu của Giáo dục phổ thông: Trường học khang trang, sạch đẹp - Thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, mẫu mực - Học sinh học để tự khẳng định mình, học tập và rèn luyện để làm người công dân tốt, học để có năng lực thích ứng với thành phố văn minh và hội nhập quốc tế.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định (Nếu có)

* Quản lý việc dạy thêm, học thêm

- Chủ trương thực hiện: Nhà trường thực hiện nghiêm túc Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và các văn bản chỉ đạo của UBND TP.HCM, Sở GDĐT về quản lý dạy thêm, học thêm.

- Nguyên tắc tại đơn vị: Trường không tổ chức dạy thêm trong nhà trường. Ban Giám hiệu kiên quyết không để xảy ra tình trạng ép buộc học sinh học thêm hoặc dùng điểm số để gây áp lực.

- Giám sát giáo viên: Nhà trường yêu cầu giáo viên kê khai việc dạy thêm ngoài nhà trường (nếu có). Đồng thời, trường thường xuyên giám sát, kiểm tra đột xuất đối với những giáo viên có phản ánh từ phụ huynh hoặc học sinh về việc thiếu công bằng trong giáo dục liên quan đến dạy thêm.

* Chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách

- Tinh gọn hồ sơ: Công tác quản lý chuyên môn được triển khai theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa hồ sơ sổ sách nhằm giảm áp lực hành chính cho giáo viên.

- Số hóa hồ sơ: Nhà trường ứng dụng triệt để công nghệ thông tin thông qua việc sử dụng học bạ số, sổ theo dõi đánh giá trên phần mềm VNEDU và hệ thống OneDrive để lưu trữ, trao đổi hồ sơ quản lý.

- Quy chuẩn hóa: Danh mục hồ sơ chuyên môn được quy định ở mức tối thiểu nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ căn cứ pháp lý và tính khoa học (như kế hoạch bài dạy phải có sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức).

* Khắc phục tình trạng lạm thu

- Công khai tài chính: Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai minh bạch các khoản thu và hoạt động tài chính theo Quy chế dân chủ cơ sở.

- Kiểm tra định kỳ: Trong kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm, bộ phận Kế toán luôn được kiểm tra định kỳ vào tháng 9 để giám sát các khoản thu đầu năm, đảm bảo thực hiện đúng quy định và không để xảy ra tình trạng lạm thu.

* Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

+ Kết quả đạt được:

- Xây dựng được môi trường giáo dục kỷ cương, nề nếp; 100% giáo viên thực hiện đúng quy chế chuyên môn và quy định về dạy thêm, học thêm.

- Hệ thống hồ sơ sổ sách được số hóa đồng bộ, giúp giáo viên dành nhiều thời gian hơn cho việc đầu tư bài giảng và đổi mới phương pháp.

- Công tác tài chính công khai tạo được sự đồng thuận và tin tưởng cao từ phía phụ huynh học sinh.

+ Tồn tại, hạn chế: Không

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Về đội ngũ, Đức Trí tập trung nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên thông qua các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước, cũng như xây dựng văn hóa nghiên cứu bài học. Nhà trường chú trọng công tác phát triển năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên trẻ, phát huy ưu thế sáng tạo và công nghệ của họ, đồng thời bổ sung kinh nghiệm quản lý lớp học và kỹ năng giáo dục cá nhân hóa cho học sinh.

Trong quản trị nhà trường, Đức Trí tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, đẩy mạnh cải cách hành chính, công khai và minh bạch các hoạt động giáo dục. Trường xây dựng văn hóa học đường lành mạnh, chú trọng xây dựng “trường học hạnh phúc”, trong đó thầy cô là tấm gương đạo đức, học sinh học tập trong môi trường an toàn, thân thiện và tích cực.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Là yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới, tập trung vào đầu tư đồng bộ, ứng dụng công nghệ, đào tạo nâng cao năng lực sử dụng TBDH cho giáo viên, đồng thời xây dựng kế hoạch dài hạn và tăng cường quản lý, bảo trì để đảm bảo hiệu quả sử dụng.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Công tác quản lý và thực hiện chuyên môn được triển khai theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa hồ sơ sổ sách nhằm giảm áp lực hành chính, giúp giáo viên có nhiều thời gian đầu tư cho chuyên môn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

Trong quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, nhà trường phát huy tối đa phần mềm quản lý hiện có để thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiện trạng thiết bị; ưu tiên mua sắm bổ sung đúng nhu cầu, đồng thời nâng cao trách nhiệm sử dụng thiết bị của giáo viên nhằm đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực tài chính – điều đặc biệt quan trọng đối với cơ sở ngoài công lập.

Về thực hiện quy chế chuyên môn, nhà trường kiên quyết không để xảy ra tình trạng

vi phạm như: dùng điểm số để gây áp lực hoặc trù dập học sinh, ép buộc học thêm, điều chỉnh điểm trái quy định, cắt xén chương trình hay để lộ đề kiểm tra. Đây vừa là yêu cầu kỷ cương, vừa là cam kết chất lượng giáo dục của trường với phụ huynh và xã hội.

Trong công tác quản lý, chỉ đạo và kiểm tra nội bộ, Hiệu trưởng giữ vai trò trung tâm trong định hướng phát triển, đồng thời khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên. Các hoạt động kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên, khoa học, nhằm đảm bảo chương trình giáo dục được thực hiện đúng quy định, phù hợp đặc thù trường tư thục và đạt hiệu quả cao.

Trong xây dựng môi trường dân chủ và kết nối với phụ huynh – học sinh, thực hiện nghiêm túc quy chế tiếp công dân, kịp thời tiếp nhận và phản hồi các ý kiến đóng góp; đồng thời duy trì đối thoại định kỳ với ban cán sự lớp để nắm bắt tình hình học tập, điều chỉnh kịp thời, ngăn ngừa sai phạm, qua đó xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và giàu tính nhân văn.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Nhà trường tạo điều kiện cho thầy cô phụ trách truyền thông tham gia lớp tập huấn đã giúp thầy/cô hiểu rõ hơn về cách viết tin, cách đặt tit sao cho hấp dẫn, thu hút, cách chụp hình thế nào để có một bức ảnh đẹp phục vụ cho bài viết.

Nhà trường đã có nhiều cố gắng và tích cực trong việc đăng tải thông tin, bài viết về hoạt động giáo dục của trường để đảm bảo tính công khai, minh bạch; giúp cha mẹ học sinh và xã hội hiểu rõ hơn về nỗ lực và thành tựu của thầy và trò.

Trên đây là Báo cáo thường niên (thời điểm cuối HK2) của Trường Tiểu học, THCS và THPT Đức Trí năm 2026.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c);
- Công khai bảng tin, website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường